TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 635/2024/HC-PT
Ngày 25 – 6 – 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Lê Văn An.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 274/2024/TLPT-HC ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1612/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Đức T, sinh năm 1970. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh Đ, sinh năm: 1964. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số B đường C, Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Tỉnh lộ 19, khu phố T, phường G, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T: Ông Nguyễn Thanh N. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Bà Trương Thị Thu T1 – Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T. *(Có mặt)*

2. Ông Nguyễn Hòa B – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T. *(Có mặt)*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ trụ sở: Số C, Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Hồng S – Chức vụ: Chủ tịch. *(Vắng mặt)*

Người đại diện Ủy quyền: Ông Nguyễn Hòa B – Chức vụ: Phó Chủ tịch. *(Có mặt)*

2. Bà Trần Thị Tú U, sinh năm 1995. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện ông Trần Đức T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2023 và những lời khai tiếp theo, người đại diện theo Ủy quyền của ông Trần Đức T *trình bày như sau:*

Năm 2001, ông T có ký Hợp đồng nhận khoán (viết tắt HĐTK) với Công ty TNHH MTV M (viết tắt Cty Mía đường TN), thời hạn 6 năm, đến năm 2007 hợp đồng hết hạn; ông T ký Hợp đồng giao khoán số 907/6n/2007 vào ngày 09/10/2007 với Cty Mía đường TN.

Ngày 05/3/2012, ông T cùng con tên Trần Thị Tú U ký Hợp đồng giao khoán số 309/8n/2013 (viết tắt HĐ 309/8n) với Cty Mía đường T2; nhận khoán diện tích (viết tắt DT) 59.884m² đất, trong đó có DT 24.228,6m²; đất thuộc thửa 2A, Tờ bản đồ (viết tắt TBĐ) số 4; tại ấp T, xã T, huyện T, Tây Ninh; ông canh tác từ năm 2013 đến nay.

Ngày 29/11/2021, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện T có Thông báo số 288/TB-UBND (viết tắt TB 288), thu hồi DT 24.228,6m²; đất thuộc thửa 2A, TBĐ số 4; ngày 22-12-2022, UBND huyện tiếp tục có Thông báo số 613/TB-UBND (viết tắt TB 613) điều chỉnh, bổ sung TB số 288, điều chỉnh DT 26.065,2m² đất thu hồi, gồm các thửa 410, 411, TBĐ số 40; tại xã T, huyện T.

Đất thu hồi có DT chênh lệch là do ông khai phá; UBND huyện không xét công sức khai phá của ông.

UBND tỉnh T có Quyết định số 182/QĐ-XPHC ngày 31/01/2023(viết tắt QĐ số 182) về việc xử phạt vi phạm hành chính, nhưng ông T cho rằng ông không có hành vi chiếm DT 26.065,2m² đất thuộc thửa 410, 411, TBĐ số 40; UBND tỉnh không xác định được ông đã chiếm đất từ thời gian nào và hình thức chiếm đoạt. Ông T không đồng ý QĐ số 182 nên khiếu nại. Ngày 22/3/2023, UBND tỉnh T có Quyết định số 720/QĐ-UBND (viết tắt QĐ 720) giữ nguyên QĐ số 182.

Thông báo thu hồi đất không thể hiện việc hỗ trợ đền bù. Quyết định thu hồi đất trái với nội dung của HĐGK.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Tây Ninh xét xử: Hủy QĐ số 182 và hủy QĐ 720. Ông T rút yêu cầu đòi UBND huyện T bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

Người bị kiện trình bày:

Tại Văn bản số 1728/UBND-NC ngày 09-6-2023 Chủ tịch UBND tỉnh T; xác định QĐ số 182 ban hành đúng quy định pháp luật; nên giữ nguyên QĐ số 182 và QĐ 720.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Hòa B *trình bày:* Xác định UBND tỉnh T ban hành QĐ số 182 và 720 đúng pháp luật; nên giữ nguyên. Đồng thời, UBND huyện T có thông báo di dời tài sản để giao đất thực hiện theo Quyết định số 1204/QĐ-UBND (viết tắt QĐ 1204) ngày 04 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh T.

Bà Trần Thị Tú U*:* vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ các Điều 30, 32, 115, 116; Khoản 1 Điều 157; Điểm a Khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T yêu cầu hủy Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 31/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh T và hủy Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 về việc giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân tỉnh T.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bồi thường hỗ trợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 09/10/2023, người khởi kiện ông Trần Đức T có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T như đã nêu trong đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện, đồng thời thông tin thêm đến thời điểm này ông T đã được UBND huyện T ký hợp đồng giao khoán thửa đất ở xã khác nên vẫn có điều kiện canh tác tiếp tục. Như vậy, quyền lợi của ông Trần Đức T đã được giải quyết nên tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm do quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm đã tuân thủ quy định về tố tụng; đơn kháng cáo của ông Trần Đức T nộp trong hạn luật định, hợp lệ nhưng với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, ông T cũng không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết Tòan bộ các vấn đề của vụ án.

Người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tú U đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, ông Trần Đức T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 182/QĐ-XPHC ngày 31/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh T về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi lấn chiếm 26.065,2m² đất thuộc thửa 410, 411 tờ bản đồ số 40 đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh và hủy Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh T về giải quyết khiếu nại. Ngoài ra, ông T còn yêu cầu buộc UBND tỉnh T và UBND huyện T có trách nhiệm phối hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất nhưng sau đó rút lại phần yêu cầu này. Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện:

Ông Trần Đức T và con gái là Trần Thị Tú U có ký Hợp đồng giao khoán đất số 309/8n/2013/HĐ ngày 05/3/2013 với Công ty TNHH MTV M, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 59.884m², trong đó có diện tích 24.229m² tại thửa đất số 2A, tờ bản đồ số 4 (theo bản đồ của Công ty M), theo bản đồ địa chính năm 2013 nay là thửa đất số 410, 411, tờ bản đồ số 40, diện tích 26.065,2m²; thời hạn sử dụng đất 08 năm (từ năm 2013 đến năm 2021).

Ngày 04/5/2018, UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 1204/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án sử dụng quỹ đất Công ty M bàn giao về địa phương quản lý. Theo đó, UBND huyện T kế thừa việc thanh lý hợp đồng hết hạn, ký lại hợp đồng thuê đất, quản lý, sử dụng đất… của Công ty M; Công ty Cổ phần M kế thừa việc chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hợp đồng có tranh chấp, khiếu kiện của Công ty M.

Ngày 12/6/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 1487/QĐ-UBND về việc giao cho UBND huyện T 34.036.394,38m² đất để tổ chức thực hiện phương án sử dụng quỹ đất bàn giao về địa phương quản lý được phê duyệt (trong đó có phần diện tích đất bà U, ông T ký hợp đồng nêu trên).

Ngày 23/7/2019, Sở T3 tỉnh đã tiến hành bàn giao diện tích 34.036.394,38m² đất cho UBND huyện T quản lý, trong đó có diện tích đất ông T khởi kiện.

Quá trình tổ chức thực hiện phương án sử dụng đất Công ty M bàn giao về địa phương quản lý, UBND xã T đã thông báo các hộ dân có hợp đồng giao khoán đất thực hiện kê khai đăng ký và tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, tại thời điểm kiểm tra ghi nhận trường hợp ông T đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp (trồng cây mít) trên phần diện tích đất nêu trên.

Ngày 14/6/2021, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2072/QĐ-UBND phê duyệt phương án sử dụng đất thuộc quỹ đất Công ty M giao về địa phương tại xã T, huyện T, trong đó có trường hợp ông T sử dụng đất không đúng mục đích theo hợp đồng đã ký kết nên không đủ điều kiện ký lại hợp đồng thuê đất theo Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh T.

Ngày 29/12/2021, UBND huyện T ban hành Thông báo số 288/TB-UBND về việc thu hồi đất hợp đồng giao khoán với Công ty M đối với ông T, lý do thu hồi: sử dụng đất có diện tích 24.229m² tại thửa số 2A, tờ bản đồ số 4 (theo bản đồ của Công ty M) không đúng mục đích theo hợp đồng đã ký kết nên

không đủ điều kiện ký lại hợp đồng thuê đất theo Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh.

Ngày 05/01/2022, UBND xã T tiến hành tống đạt Thông báo số 288/TB-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện T cho ông T và lập Biên bản làm việc yêu cầu ông T thực hiện di dời Tòan bộ tài sản, hoa màu trên đất và bàn giao lại đất cho UBND huyện T trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 05/01/2022.

Ngày 22/12/2022, UBND huyện T ban hành Thông báo số 613/TB-UBND sửa đổi, bổ sung Thông báo 288 về diện tích đất theo bản đồ địa chính quy năm 2013 là thửa đất số 410, 411, tờ bản đồ số 40, diện tích 26.065,2m². Cùng ngày, UBND xã T giao Thông báo số 613 cho ông T.

Ngày 23/12/2022, UBND xã T lập biên bản kiểm tra hiện trạng thửa đất số 410, 411 hiện trạng đang trồng mì được 01 tháng. Ý kiến của ông T là không đồng ý trả đất theo Thông báo, ông sẽ giao lại đất khi nào có dự án đầu tư, hiện tại chưa có nên ông tiếp tục sử dụng.

Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 23/12/2022, tại ấp T, UBND xã T tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 36/BB-VPHC đối với ông T về hành vi: lấn chiếm đất nông nghiệp tại thửa đất số 410, 411, tờ bản đồ số 40, diện tích 26.065,2m², trồng mì được 01 tháng tuổi. Ông T có ý kiến: ông không có vi phạm, đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với hợp đồng thuê đất. Tuy nhiên ông không ký tên vào biên bản.

Khi Hồ sơ hoàn chỉnh, ngày 19/02/2023, UBND huyện T ban hành Tờ trình số 09/TTR-UBND đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T về hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn do UBND huyện T quản lý tại Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh T với tổng diện tích 26.065,2m² theo quy định của điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai Đồng thời buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất lấn chiếm cho UBND huyện quản lý.

Ngày 31/01/2023, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 182/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông T số tiền 85.000.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất.

Ông T khiếu nại Quyết định số 182/QĐ-XPHC và Chủ tịch UBND tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 giải quyết khiếu nại với nội dung: không chấp nhận khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 182/QĐ-XPHC do ông T sử dụng đất không đúng mục đích theo hợp đồng đã ký kết nên không đủ điều kiện để ký lại hợp đồng thuê đất theo Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh T.

Với diễn biến vụ việc như trên, xét tính hợp pháp của Quyết định số 182/QĐ-XPHC ngày 31/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh T đã được ban hành

đúng thẩm quyền theo Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019.

Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định đúng theo quy định tại Điều 57, 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính và có đầy đủ các nội dung theo Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Về nội dung Quyết định số 182/QĐ-XPHC ngày 31/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh T xử phạt hành vi chiếm đất của ông T do đã sử dụng đất có quyết định thu hồi sau khi UBND tỉnh T đã ban hành Quyết định 1486/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 về việc thu hồi đất thuộc quyền sử dụng của Công ty M được UBND tỉnh cho thuê đất, và Quyết định 1487/QĐ-UBND về việc giao cho UBND huyện T quản lý đối với phần đất trên. Theo phương án sử dụng đất Công ty Mía đường, các hộ dân có hợp đồng giao khoán đất đều đã được UBND xã T thông báo để thực hiện kê khai đăng ký và kiểm tra hiện trạng sử dụng đất. Trường hợp của ông T đã được ghi nhận là sử dụng đất có trồng cây mít trên diện tích được giao khoán, không đúng mục đích theo hợp đồng đã ký kết nên UBND huyện T đã ban hành Thông báo 288/TB-UBND ngày 29/12/2021 về việc thu hồi đất hợp đồng giao khoán do sử dụng đất không đúng mục đích theo hợp đồng đã ký kết, không đủ điều kiện để ký lại hợp đồng thuê đất.

Các Thông báo liên quan đến vấn đề thu hồi đất đã được tống đạt đầy đủ cho ông T.

Đến ngày 22/12/2022, UBND xã T kiểm tra thì hiện trạng đất ông T trồng mì được 01 tháng, ông không đồng ý giao lại đất do chưa có dự án đầu tư nên đã bị lập Biên bản vi phạm hành chính.

Như vậy, đến thời điểm lập biên bản về hành vi chiếm đất nông nghiệp của ông T thì thời hạn thực hiện hợp đồng giao khoán đã hết. Trước đó, ngày 05/01/2022 ông T cũng đã được tống đạt Thông báo số 288/TB-UBND huyện T về việc thực hiện di dời toàn bộ tài sản, hoa màu trên đất và bàn giao lại đất cho UBND huyện nhưng ông không thực hiện. Trên cơ sở đề nghị của UBND huyện T tại Tờ trình số 09/TTR-UBND ngày 19/01/2023, Chủ tịch UBND tỉnh tây N ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 182/QĐ-UBND xử phạt ông T số tiền 85.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng đất trước khi vi phạm và trả lại đất là có căn cứ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019, Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019.

Đối với Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh T về giải quyết khiếu nại lần đầu được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo khoản 1 Điều 21; Điều 28, Điều 29 và 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về nội dung; ông T khiếu nại đề nghị hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 182/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 và đề nghị xem xét được tiếp tục thuê đất. Trên cơ sở xác minh khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh T đã giải

quyết khiếu nại kết luận nội dung khiếu nại của ông T không có căn cứ và giữ nguyên Quyết định số 182/QĐ-UBND là đúng quy định.

Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc UBND tỉnh T và UBND huyện T có trách nhiệm phối hợp bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất do ông T rút khởi kiện nội dung yêu cầu này là đúng quy định tại Điều 143 và 165 Luật Tố tụng hành chính.

Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Ông Trần Đức T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm với lý do giải quyết không đúng pháp luật, không minh bạch. Tuy nhiên, như đã phân tích, diện tích đất có liên quan trong vụ án được ông T sử dụng vào mục đích trồng mì khi đã hết thời hạn hợp đồng giao khoán và đã có Thông báo về việc giao đất nên không đủ điều kiện để tiếp tục ký hợp đồng thuê khoán với người được giao quyền sử dụng mới là UBND huyện T, do chủ thể của việc Nhà nước cho thuê đất là Công ty M, không phải cá nhân ông T và theo chủ trương sử dụng đất đã được ban hành bởi các Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 12/6/2018, Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh T bàn giao đất về cho địa phương quản lý và Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện T phê duyệt phương án sử dụng đất thuộc quỹ đất Công ty M thì việc thanh lý Hợp đồng thuê khoán là quan hệ dân sự giữa Công ty M đường và những cá nhân, tổ chức đã ký hợp đồng thuê khoán. Riêng các quyết định hành chính bị kiện liên quan đến xử lý hành vi vi phạm trong lĩnh vực đất đai thì đã xử lý đúng người, đúng hiện trạng. Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thông tin ông T đã được ký hợp đồng giao khoán đất khác trên địa bàn xã T, huyện T. Điều này cho thấy UBND huyện đã xem xét hợp tình, hợp lý đối với quyền lợi của ông T. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Đức T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ:

Điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Các điều 30, 32, 115, 116; Khoản 1 Điều 157; Điểm a Khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T yêu cầu hủy Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 31/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh T và hủy Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 về việc giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân tỉnh T.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bồi thường hỗ trợ.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Đức T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0000105 ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- TAND tỉnh Tây Ninh (1);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- ĐS (4);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ